

Số: 2912/QĐ-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 10 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế năm học 2022-2023 và giai đoạn 2022-2025”

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được ban hành theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 12/11/2020 của Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định kế hoạch chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này **Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế năm học 2022-2023 và giai đoạn 2022-2025 của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan trong trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, KHCN & HTQT.



Thái Nguyên, ngày tháng năm 2022

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ  
VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2021- 2025**

**1. Căn cứ pháp lý**

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-HĐDH ĐHTN ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng đại học Đại học Thái Nguyên về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019; Luật Giáo dục Đại học năm 2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 34-NQ/ĐU ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Đảng ủy Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 59-QĐ/ĐU, ngày 29/10/2021 của Đảng ủy Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành các đề án toàn khóa của Đảng ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 34 /NQ-HĐT ngày 28/4/2021 của Hội đồng trường ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giao đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030;



## **2. Hiện trạng về công tác Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế (KHCN&HTQT)**

### **2.1. Về hiện trạng công tác quản lý KHCN&HTQT:**

Trong giai đoạn từ năm 2020 – 2022 TNUT đã xây dựng, thông qua, ban hành và điều chỉnh bổ sung hàng năm quy định về quản lý KHCN nội bộ, quy định quản lý người nước ngoài đến học tập và làm việc tại trường. Quy định này dựa trên các văn bản về quản lý viên chức người lao động của HĐT ban hành, các quy định quản lý nhà nước chuyên ngành khác có liên quan và quy định của ĐHTN. Hoạt động KHCN&HTQT cũng như các hoạt động khác trong nhà trường hàng năm đều xác định các nhiệm vụ năm học, trên cơ sở đó tiến hành dự toán chi phí đăng ký với nhà trường và xác định các nhiệm vụ trọng tâm năm học báo cáo lên đảng ủy và BGH để phê duyệt thực hiện.

Kết quả hoạt động KHCN&HTQT giai đoạn 2020-2022 được thể hiện trong các báo cáo từng năm sau đây:

- Báo cáo xây dựng kế hoạch KHCN năm 2020 (Số 53/BC – ĐHKTCN, ngày 17/6/2019);

- Báo cáo xây dựng kế hoạch KHCN năm 2020 (Số 1094/BC – ĐHKTCN, ngày 24/12/2020);

- Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN&HTQT năm 2021 và xây dựng kế hoạch KHCN&HTQT năm 2022 (Số 1224/BC – ĐHKTCN, ngày 31/12/2021);

- Báo cáo kế hoạch KHCN (Số 443/ ĐHKTCN, ngày 1/6/2022);

### **2.2 Điểm mạnh**

- Trường là cơ sở giáo dục đại học có truyền thống trên 55 năm, đã xác lập và khẳng định là một trường đại học có uy tín ở Việt Nam trong lĩnh vực Kỹ thuật công nghiệp, có các ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu của đất nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và cuộc CMCN; là cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) nên có nhiều điều kiện sử dụng nguồn lực chung của ĐHTN trong đào tạo và NCKH.

- Trường có cơ cấu lao động trẻ, với độ tuổi bình quân dưới 45 tuổi; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng tâm thế đổi mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục đại học. Nhiều giảng viên của Trường tốt nghiệp tiến sĩ ở các nước phát triển với nhiều chuyên ngành khác nhau là một lợi thế cho việc truyền tải không những về nội dung mà còn cả về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu tiên tiến, hiện đại và đa dạng trên thế giới vào hoạt động đào tạo và NCKH của Trường.

- Để thực hiện triển khai các hoạt động KHCN&HTQT chúng tôi có thuận lợi lớn là có văn bản định hướng chiến lược của HĐT, có các nghị quyết liên quan của Đảng ủy và, giao nhiệm vụ từ BGH thống nhất với nhau;

- Về cách thức triển khai, có thuận lợi là các chỉ tiêu do phòng chuyên môn xác định trên cơ sở năng lực thực tế của nhà trường và tư vấn với HĐT, BGH và Đảng ủy làm cơ sở giao nhiệm vụ thực hiện;

- Một thuận lợi khác nữa là nhà trường có mối quan hệ cả về KHCN và HTQT với nhiều đối tác từ quốc tế cho tới trong nước rất thuận tiện khi triển khai nhiệm vụ;

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng chuyên môn hóa theo các quy trình chuyên môn của hệ thống ISO 9001 vừa đưa vào áp dụng.

- KHCN có tác động hỗ trợ công tác đào tạo rất tốt trong giai đoạn vừa qua, không chỉ tạo sân chơi KHCN cho người học và giảng viên mà còn hỗ trợ kỹ năng học tập STEM cho các trường THPT để phục vụ công tác tuyển sinh và thông qua các đề tài đặt hàng để tăng cường cơ sở vật chất cho đào tạo.

- Công tác NCKH xây dựng đa dạng các loại hình nhiệm vụ (theo quy định gồm 7 nhóm nhiệm vụ) để khuyến khích mọi người ai cũng có khả năng tìm kiếm được nhiệm vụ phù hợp với năng lực bản thân, trong đó cũng thiết kế nhiều mục tiêu từ phục vụ đào tạo, phục vụ đơn vị cho tới phát triển năng lực bản thân và hướng tới chuyển giao công nghệ ra xã hội.

### **2.3 Điểm yếu**

- Cơ cấu về trình độ và các loại hình sản phẩm trong NCKH chưa đồng đều, cụ thể là mảng NCKH dẫn đến chuyển giao công nghệ còn yếu trong khi số lượng sản phẩm về báo ISI/ Scopus có giai đoạn đứng đầu ĐHTN thì số lượng bằng sáng chế còn rất ít, nhất là các kết quả nghiên cứu chuyển giao công nghệ còn rất hạn chế.

- TNUT cũng chưa có nhóm nghiên cứu mạnh theo tiêu chuẩn quốc gia, điều này đến từ hai lý do là nhóm nghiên cứu mạnh ở góc độ con người và nhóm nghiên cứu mạnh ở góc độ chưa có các lab trọng điểm đều đang thiếu.

- Về kinh phí KHCN hầu như dựa vào nguồn thu từ học phí và nguồn thu hợp pháp của nhà trường, việc tìm thêm kinh phí bên ngoài như các đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh còn khá hạn chế.

- Năng lực NCKH trong đội ngũ không đồng đều, có những nhóm có năng lực tốt bên cạnh các nhóm thường xuyên phải bù trừ khối lượng NCKH bằng các hoạt động thay thế khác.

- Trong giai đoạn dịch bệnh Covid hai năm vừa qua có nhiều hoạt động NCKH&HTQT bị ảnh hưởng nhất là các hoạt động trao đổi, ký kết.

### **2.4 Cơ hội**

- Lĩnh vực kỹ thuật công nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, được xã hội quan tâm, nhu cầu về áp dụng các tiến bộ vào đời sống ngày một tăng cao nhất là lĩnh vực công nghiệp.

- Có một nguồn ngân sách ổn định dành cho NCKH hàng năm, có kế hoạch thực hiện và có các hệ thống nhiệm vụ quy định sẵn cho NCKH.

- Xu thế liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp và trường đại học ngày một chặt chẽ trong cả đào tạo nhân lực, nghiên cứu, chuyển giao theo nhu cầu xã hội. Ngày nay, các hợp tác nghiên cứu có thể xúc tiến khá dễ dàng thông qua mạng internet thậm chí là các HTQT trong NCKH.

- Xu thế hội nhập quốc tế tạo nhiều tiền đề, cơ hội để Trường thiết lập và phát triển hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu ngày càng rộng mở hơn.

- Thái Nguyên là Tỉnh có nhiều doanh nghiệp vốn FDI và có một hệ thống công nghiệp phụ trợ khá quy mô, đây là nơi có thể xuất phát rất nhiều các nghiên cứu có khả năng áp dụng thực tiễn.

## **2.5 Thách thức**

- Xã hội yêu cầu ngày càng cao về số lượng, chất lượng các sản phẩm nghiên cứu, phải đáp ứng được nhu cầu thực tế của thị trường ở trong nước và trên thế giới hiện nay.

- Sự cạnh tranh trong lĩnh vực nghiên cứu ngày càng khốc liệt với sự tham gia của các trường đại học trên thế giới vào Việt Nam, trường đại học có 100% vốn đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư tư nhân lớn thành lập các trường đại học tư thục tiên tiến và hiện đại. Các trường đại học công lập và dân lập đang thay đổi mạnh mẽ để nâng cao chất lượng, phát triển thương hiệu và thu hút người học. Bên cạnh đó, vị trí của Trường ở địa phương miền núi, tuy không xa Hà Nội nhưng lợi thế cạnh tranh vẫn kém hơn hẳn so với các trường trên địa bàn thành phố Hà Nội...

- Xu thế tự chủ đối với các trường đại học nói chung và Trường nói riêng là bắt buộc, tuy nhiên hành lang pháp lý hiện nay chưa hoàn thiện, còn nhiều rào cản, vướng mắc từ trong cơ chế, chính sách đến khó khăn trong thực tế áp dụng. Việc chưa tự chủ đại học cũng có những cản trở nhất định với công tác khoán trong NCKH.

- Các Nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực KHCN đòi hỏi có các phòng thí nghiệm hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế vì chỉ có như vậy các nghiên cứu mới đáp ứng được đòi hỏi thực tế hiện nay. Đối với yêu cầu này hiện nay TNUT mới chủ yếu có các cơ sở vật chất phục vụ cho thực hành thí nghiệm là chính, các thiết bị phục vụ nghiên cứu chuyên sâu nhất là các chuyên ngành mới còn vô cùng hạn chế. Các thiết bị này ngoài khả năng của các cá nhân nhà khoa học, thậm chí ngoài khả năng của các nhóm nghiên cứu.

- Về nguồn vốn cho NCKH hiện nay có sự cạnh tranh rất lớn trong vốn đầu tư từ các nguồn ngoài ngân sách nhà trường do số lượng các đề xuất rất lớn trong khi nguồn lực cho vấn đề này từ phía nhà trường không quy hoạch chính thức.

## **3. Kế hoạch chiến lược phát triển KHCN&HTQT**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐHKTCN nhiệm kỳ 2020-2025, Chiến lược phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 về công tác NCKH&HTQT.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

Mục tiêu cụ thể được thể hiện tại phụ lục 1 “Kế hoạch chiến lược về KHCN&HTQT giai đoạn 2022 – 2025”.

### **3.3. Giải pháp**

#### **3.3.1. Về Khoa học công nghệ**

- Đội ngũ làm KHCN là vốn quý của mỗi trường đại học, để có đội ngũ làm khoa học chuyên nghiệp cần hai vấn đề, một là động viên khuyến khích những người có khả năng thông qua các biện pháp mang tính lực kéo như phần thưởng, hỗ trợ họ phát triển các sản phẩm có giá trị thông qua quy chế chi tiêu nội bộ như đang làm hiện nay. Chẳng hạn thưởng bằng sáng chế, thưởng các bài báo ISI có rank cao, ... Hai là với những người ít có khả năng hơn cần thiết kế các quy định về nhiệm vụ phải hoàn thành giống như quy định quản lý viên chức người lao động của HĐT, đây là nhóm biện pháp mang tính lực đẩy, bắt buộc CBVC những người có chức năng NCKH theo quy định của luật giáo dục phải hoàn thành. Dưới sự chi phối của hai nhóm nguồn lực này mỗi cá nhân sẽ có động lực để nghiên cứu khoa học, các kết quả NCKH trình độ cao thường xuất phát từ nhóm lực kéo hơn là nhóm lực đẩy, nên tăng cường nhóm lực kéo để lan tỏa động lực sang nhóm lực đẩy.

- Cơ sở vật chất phục vụ NCKH hiện nay không nhiều, nhà trường nên xem xét thành lập và đầu tư các Lab có nhu cầu lớn chẳng hạn như đo lường, kiểm định, ... mục đích để phát triển các khoa học này có cơ hội tăng cường công bố, tăng cường sáng chế trong lĩnh vực tương ứng nhằm rút ngắn khoảng cách với các trường đại học khác ở top trên, cơ sở vật chất là một phần cấu thành của môi trường khoa học trình bày dưới đây.

- Về môi trường NCKH, cần tạo dựng môi trường NCKH mới bằng cách thực hiện khoán NCKH một mặt tăng cường tính tự chủ về KHCN của đơn vị, mặt khác tăng cường kiểm soát quá trình tự chủ này theo định hướng chung của HĐT có thực hiện đúng không, năm 2022 kinh phí của đề tài NCKH sinh viên đã chuyển 1/3 dự toán về phê duyệt ở các khoa chuyên môn là một phần của giải pháp này. Hội thảo khoa học quốc tế ICERA, hội thảo ứng dụng công nghệ cao vào thực tiễn và các hội thảo khác chính là một cấu thành môi trường Khoa học rất tốt cần duy trì và đẩy mạnh.

- Về vốn hoạt động KHCN, năm 2022 phòng KHCN&HTQT đã soạn thảo dự thảo quy định thành lập và điều hành quỹ KHCN theo quy định của ĐHTN. Đây là một phần trong giải pháp về vốn cho hoạt động KHCN bao gồm kinh phí NCKH trích từ học phí và các nguồn thu hợp pháp của nhà trường theo quy định và các ủy nhiệm chi hoặc tài trợ nếu có. Bên cạnh đó cũng cần tính đến các nguồn thu (nếu có thể) từ hoạt động KHCN như chuyển giao công nghệ (thông qua công ty TNHH TNUT), các hoạt động khởi nghiệp (chương trình mỗi đơn vị một sản phẩm) trong nghị quyết đảng ủy đã nêu.

Chỉ có tạo ra các giá trị mới được thị trường chấp nhận mới có thể tạo nguồn thu bền vững cho nhà trường, ở khía cạnh này chương trình mỗi đơn vị một sản phẩm chính là dựa vào dân, xây dựng môi trường KHCN và tin tưởng ở khả năng KHCN của các đơn vị chuyên môn gắn với chuyên môn sâu của họ.

- Phát triển các thị trường mới về KHCN, thị trường KHCN truyền thống có thể hiểu là các độc giả, các nhà nghiên cứu vì sản phẩm của TNUT truyền thống về KHCN chủ yếu là tài sản trí tuệ dạng báo chí (báo ISI/ Scopus). Thị trường mới ở đây là các doanh nghiệp, các công ty nơi cần giải quyết các vấn đề thực tiễn và chấp nhận chuyển giao các sáng chế, các giải pháp hữu ích, đây là mảng mà TNUT còn yếu và thiếu. Nếu như vậy để có giá trị thu về cần có hàng hóa, hàng hóa ở đây được hiểu là các giá trị mới công bố trong các bằng sáng chế, các giải pháp hữu ích được chuyển giao thành công dưới danh nghĩa nhà trường. Để có các giá trị mới này cần thực hiện tốt các vấn đề về Môi trường khoa học, vốn, cơ chế chính sách, con người như trình bày ở phần trên.

- Tăng cường kết nối KHCN với các chủ thể khác như doanh nghiệp, Tỉnh, các Sở KHCN các tỉnh là nơi có thông tin và nguồn lực phong phú để các chủ thể KHCN trong trường có thêm cơ hội tìm kiếm bài toán nghiên cứu cũng như nguồn lực.

- Về cải cách thủ tục hành chính trong quản lý KHCN tiếp tục theo đuổi thực hiện tốt bước số hóa các quy trình ISO đã ban hành sớm nhất thông qua các công cụ đặt hàng tích hợp trong phần mềm Edusoft.net.

- Thông qua công tác tự đánh giá nhà trường ở các tiêu chuẩn 18 và 23 trong bộ công cụ và nhận biết các lỗ hổng về công tác quản lý KHCN như các gợi ý mà từng tiêu chuẩn đã nêu, nhanh chóng khắc phục các lỗ hổng này là một bài học quý báu và sát với quan tâm của quản trị KHCN tầm quốc tế do đây chính là bộ công cụ đánh giá trường đại học chuẩn quốc tế.

- Dựa trên kết hợp với các đơn vị chuyên môn giao nhiệm vụ tới từng cá nhân và giải pháp nhắc nhở, khuyến khích thực hiện đầy đủ giờ NCKH quy định theo quy định của HĐT;

- Tổ chức Hội thảo/ Seminar với các chuyên gia/chuyên viên SHTT để tạo cầu nối giúp cán bộ giảng viên có thể tiếp cận và đăng ký SHTT.

### **3.3.2. Về Hợp tác Quốc tế**

- Ban hành các quy định, hướng dẫn về công tác HTQT và thường xuyên cập nhật cho phù hợp với tình hình hiện tại, số hóa các nghiệp vụ chuyên môn về HTQT theo bộ quy định ISO đã ban hành.

- Tìm kiếm và apply các dự án, đề án quốc tế khả thi có liên quan đến chuyên môn của nhà trường, tiếp tục đề xuất các dự án như Erasmus, DAAD....

- Tăng cường tìm kiếm các cơ hội hợp tác mới trao đổi giảng viên và sinh viên quốc tế để xây dựng môi trường tiếng Anh trong nhà trường.

- Tăng cường và thực hiện có hiệu quả chủ trương Seminar chuyên môn ở các khoa chuyên môn hàng tuần bằng tiếng Anh.

- Phát triển mới các chương trình đào tạo quốc tế có nhu cầu nhằm tăng quy mô tuyển sinh quốc tế, thực hiện một số ưu đãi nếu cần để đạt được mục tiêu 300 sinh viên quốc tế đề ra.

- Xây dựng các đề án hỗ trợ học sinh sinh viên du học quốc tế mở rộng ảnh hưởng của trường trên phạm vi quốc tế.

#### **3.4. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu**

Thực hiện theo thời gian và nội dung đã đăng ký tại phụ lục 1 “Kế hoạch chiến lược về KHCN&HTQT giai đoạn 2022 – 2025”

#### **3.5. Tổ chức thực hiện**

##### **a) Ban Giám hiệu**

Chỉ đạo, giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược đối với công tác phát triển đào tạo bồi dưỡng. Chỉ đạo xây dựng và cấp kinh phí hàng năm cho hoạt động này.

b) Phòng KHCN&HTQT, Trung tâm HTĐTQT, tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc tổ chức thực hiện chiến lược KHCN&HTQT, phòng KHCN&HTQT là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan trong toàn Trường xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch.

##### **c) Các đơn vị chức năng, các Khoa/Bộ môn trực thuộc.**

Phối hợp với Phòng KHCN&HTQT thực hiện kế hoạch phát triển đào tạo bồi dưỡng.

V  
N  
H  
U  
G  
Á

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  
**KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**  
**ĐƠN VỊ: PHÒNG KHCN&HTQT**

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2022-2025**

Thái Nguyên, Ngày tháng năm 2022

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm cần đạt được/Mục tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời hạn				Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					2022 (ghi tháng)	2023 (ghi tháng)	2024 (ghi tháng)	2025 (ghi tháng)		
2	Khoa học công nghệ	Số nhóm cộng tác nghiên cứu mạnh của Trường	3-5	nhóm	0	1	2	3	Các đơn vị trong toàn trường	
		Số sản phẩm KHCN của Trường có tiềm năng thương mại hóa	1	sản phẩm/khoa.	1	1	1	1	Các đơn vị trong toàn trường	
		Số sản phẩm KHCN của Trường được chuyển giao qua công ty TNHH, thương mại hóa và chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức, xã hội	5	sản phẩm	1	2	3	5	Các đơn vị trong toàn trường	CGCN về hệ thống điều khiển lò hơi cho công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ (2021)
		Kinh phí KHCN các chương trình, đề tài, dự án từ các nguồn ngoài Trường	10-15%	tổng nguồn thu	3%	6%	9%	12%	Các đơn vị trong toàn trường	
		Số lượng công bố, bài báo quốc tế của Trường			12/2022	12/2023	12/2024	12/2025		
		Số bài báo ISI, Scopus trung bình trên một giảng viên	1	bài/giảng viên	0,42	0,6	0,8	1	Các đơn vị trong toàn trường	
		Số bằng sáng chế, sở hữu trí tuệ của Trường	2	bằng	1	0	0	2	Các đơn vị trong toàn trường	Máy đo thân nhiệt tự động - TG: Phạm Thành Long
3	Hợp tác quốc tế	Mạng lưới hợp tác quốc tế của Trường đến năm 2025			12/2022	12/2023	12/2024	12/2025		
		Số tổ chức quốc tế có hoạt động hợp tác song phương với Trường	30	tổ chức	5	10	20	30		
		Triển khai chương trình liên kết đào tạo quốc tế.		chương trình	0	0	1	1		
		Trao đổi chuyên môn, sinh viên và giảng viên quốc tế của Trường			12/2022	12/2023	12/2024	12/2025		

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm cần đạt được/Mục tiêu	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời hạn				Đơn vị phối hợp	Ghi chú
					2022 (ghi tháng)	2023 (ghi tháng)	2024 (ghi tháng)	2025 (ghi tháng)		
		Số sinh viên của Trường được cử đi trao đổi ở nước ngoài	3	sinh viên/năm		3	3	3		
		Số sinh viên nước ngoài đến trao đổi tại Trường	1	sinh viên/năm		1	1	1		
		Số giảng viên của Trường được cử đi trao đổi, bồi dưỡng ở nước ngoài	1	giảng viên/năm		1	1	1		
		Môi trường quốc tế hóa, thu hút sinh viên nước ngoài				12/2022	12/2023	12/2024	12/2025	
		Số giảng viên nước ngoài đến giảng dạy tại Trường	1	giảng viên/năm		1	1	1		
		Quy mô sinh viên nước ngoài học tại Trường	300	sinh viên	90	150	200	300		

TRƯỞNG PHÒNG KHHCN&HTQT


